

Kinh tế nhà nước có mặt ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Tùy vào điều kiện cụ thể của mỗi nước mà kinh tế Nhà nước có vai trò, phạm vi và mức độ hoạt động khác nhau.

Ở Việt Nam, trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) được xác định là giữ vai trò chủ đạo. Tuy nhiên trong những năm qua, vì nhiều lý do khác nhau, hoạt động của các DNNN đã bộc lộ nhiều tồn tại, khả năng cạnh tranh của DNNN nhìn chung là yếu, khả năng bảo toàn vốn hạn chế, tình trạng tài chính không lành mạnh...

Trong thời gian qua, chúng ta đã áp dụng nhiều biện pháp cải cách DNNN, trong đó chuyển các DNNN sang mô hình công ty - công ty hóa DNNN là hướng chủ đạo trong các biện pháp cải cách DNNN.

Hội nghị lần IV Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII chỉ rõ: "Chuyển DNNN hoạt động kinh doanh sang hoạt động theo cơ chế công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) hoặc công ty cổ phần bổ sung hình thức công ty TNHH có một sáng lập viên để áp dụng đối với doanh nghiệp kinh doanh 100% vốn Nhà nước". Hội nghị lần III Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX cũng chỉ rõ: "Chuyển doanh nghiệp mà Nhà nước giữ 100% vốn sang hình thức công ty TNHH một chủ sở hữu là Nhà nước hoặc công ty cổ phần mà các cổ đông là DNNN".

Cụ thể hóa các chủ trương của Đảng ngày 26 tháng 12 năm 2003 Quốc hội đã thông qua Luật DNNN sửa đổi, trong đó quy định DNNN tồn tại dưới các dạng: công ty Nhà nước; công ty TNHH Nhà nước một thành viên; công ty TNHH từ hai đến 50 thành viên và công ty cổ phần. Trong đó, việc chuyển DNNN sang mô hình công ty TNHH Nhà nước một thành viên được xem là một giải pháp quan

CHUYỂN DNNN THÀNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - GIẢI PHÁP HỮU ÍCH TRONG CẢI CÁCH DNNN Ở VIỆT NAM

● **Thạc sĩ: TRẦN THÀNH THỌ**
Trưởng Đại học Thương mại

trọng vì doanh nghiệp Nhà nước sau chuyển đổi khắc phục được nhiều tồn tại của DNNN trước đây nhưng vẫn là doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế Nhà nước. Hơn nữa việc ra đời Công ty TNHH Nhà nước một thành viên là cơ sở để hình thành mô hình Tổng Công ty do các công ty tự đầu tư thành lập, một liên kết kinh tế theo kiểu công ty mẹ, công ty con - Mô hình kinh doanh phổ biến ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển.

Xét về lý luận, một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng DNNN hoạt động chưa có hiệu quả là do cơ chế quản lý của doanh nghiệp, DNNN không có động lực phát triển như doanh nghiệp tư nhân. Vì vậy, muốn nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN phải tạo cho nó một động lực bằng cách chuyển đổi sở hữu từ khu vực Nhà nước sang khu vực tư nhân hoặc vẫn giữ nguyên sở hữu Nhà nước nhưng áp dụng một cách có hiệu quả kiểu quản lý của công ty tư nhân đối với DNNN.

Chuyển DNNN sang mô hình công ty TNHH Nhà nước một thành viên chính là giải pháp áp dụng cơ chế hoạt động của công ty đối với DN 100% vốn Nhà nước, tạo động lực cho DNNN phát triển. Hiện tại, đây là giải pháp được hầu hết các nước trên thế giới áp dụng khi tiến hành cải cách DNNN. Ở Việt Nam, giải pháp này đang thể hiện tính ưu việt rõ nét.

Về mặt pháp lý, chuyển DNNN sang mô hình công ty

TNHH Nhà nước một thành viên không làm thay đổi về bản chất sở hữu tài sản, nhưng hình thức pháp lý của doanh nghiệp thay đổi đã dẫn đến nhiều thay đổi trong cơ chế quản lý của doanh nghiệp:

1. Qua khảo sát, một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của DNNN là tình trạng không làm rõ ràng về tài sản trong doanh nghiệp. Tài sản trong DNNN không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp mà thuộc quyền sở hữu của Nhà nước, DN chỉ có quyền quản lý và sử dụng tài sản. Khi chuyển sang mô hình công ty TNHH, tài sản do Nhà nước đầu tư vào công ty sẽ thuộc quyền sở hữu của Công ty và Nhà nước xuất hiện với tư cách là chủ sở hữu của công ty - chủ sở hữu đầu tư vốn vào doanh nghiệp. Như vậy, trong quan hệ với doanh nghiệp, vai trò của Nhà nước có sự thay đổi cơ bản. Nhà nước xuất hiện với tư cách là chủ đầu tư, có quyền và nghĩa vụ theo luật định như bất cứ chủ đầu tư nào. Nhà nước là chủ sở hữu doanh nghiệp nhưng quản lý và điều hành DN là do bộ máy của DN tiến hành theo nguyên tắc tổ chức quản lý của công ty TNHH. Nhà nước ban hành luật và cơ chế chính sách để giám sát việc quản lý và điều hành của công ty.

Sự thay đổi này đã tạo ra sự tách biệt trong chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước với chức năng quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh: Nhà nước không can

thiếp sâu vào hoạt động của doanh nghiệp vì hoạt động của doanh nghiệp do bộ máy của doanh nghiệp quản lý điều hành.

2. Do có sự thay đổi trong cơ chế hoạt động của doanh nghiệp, sau khi chuyển thành công ty TNHH một thành viên, tư cách pháp nhân của doanh nghiệp đã được xác định một cách đầy đủ và rõ ràng.

Điều 1 Luật DNNN (1995) quy định, DNNN là một tổ chức có tư cách pháp nhân, tuy nhiên trong thực tế DNNN lại không có quyền sở hữu đối với tài sản trong doanh nghiệp, tính chủ động của DNNN trong các hoạt động kinh tế rất hạn chế vì có sự can thiệp rất sâu của chủ sở hữu Nhà nước vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Chính vì vậy, mặc dù được quy định là một chủ thể kinh doanh độc lập nhưng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không độc lập, trong nhiều quan hệ (liên doanh, liên kết kinh tế, cầm cố, thế chấp tài sản...) DNNN không thể nhân danh mình để tham gia mà chỉ tham gia sau khi có sự cho phép phê chuẩn của cơ quan có thẩm quyền. Vì không được độc lập trong kinh doanh, DNNN cũng không độc lập chịu trách nhiệm như một doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn, khi cần thiết Nhà nước sẽ khoan nợ, giãn nợ, cấp bù... và vì vậy, tư cách pháp nhân của doanh nghiệp chỉ có thể lý giải là rất "đặc biệt" vì nó quá khác so với lý luận về pháp nhân theo luật pháp Việt Nam.

Chuyển sang mô hình công ty TNHH Nhà nước một thành viên, vấn đề "đặc biệt" trong tư cách pháp nhân của doanh nghiệp được giải quyết một cách triệt để, công ty TNHH một thành viên là một tổ chức có tư cách pháp nhân thực thụ đúng với nghĩa của nó. Công ty được độc lập hoàn toàn về mặt pháp lý với chủ sở hữu công ty là Nhà nước. Sau khi Nhà nước đầu tư vốn thành lập công ty, vốn đó sẽ

thuộc quyền sở hữu của công ty, Nhà nước không có quyền tự rút vốn, điều chuyển vốn của công ty một cách tùy tiện. Mọi hoạt động kinh doanh của công ty do bộ máy quản lý, điều hành của công ty quyết định.

3. Khi chuyển sang mô hình công ty TNHH Nhà nước một thành viên, cơ chế tài chính của doanh nghiệp sẽ khác cơ bản với cơ chế tài chính trong DNNN, sẽ không còn có tình trạng doanh nghiệp được Nhà nước thành lập mà không được đầu tư đầy đủ vốn điều lệ, vì với công ty TNHH Nhà nước một thành viên, chủ sở hữu là Nhà nước có trách nhiệm đầu tư vốn đầy đủ, đúng hạn như cam kết. Nếu chậm góp vốn theo tiến độ, phần vốn chưa góp sẽ trở thành khoản nợ của Nhà nước với công ty, Nhà nước phải bồi thường cho công ty mọi thiệt hại do việc chậm góp vốn gây ra. Hơn thế nữa, sau khi chuyển đổi thành công ty, chủ sở hữu là Nhà nước và công ty là hai chủ thể độc lập, vì vậy Nhà nước không được trực tiếp rút vốn đầu tư từ công ty mà chỉ có thể bán một phần vốn định rút cho chủ thể khác. Điều đó cũng có nghĩa, khi Nhà nước rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã đầu tư thì hoạt động tài chính của công ty không bị ảnh hưởng.

4. Khi tồn tại dưới mô hình công ty TNHH Nhà nước một thành viên, cơ chế quản lý nội bộ trong doanh nghiệp có sự thay đổi căn bản. Chủ sở hữu là Nhà nước sẽ lựa chọn cho công ty một trong hai mô hình quản lý: Mô hình Hội đồng quản trị - Giám đốc (áp dụng với những công ty có quy mô tương đối lớn, kinh doanh đa ngành nghề) được thiết kế gần giống với mô hình quản lý của công ty cổ phần hoặc mô hình Chủ tịch Công ty - Giám đốc (áp dụng cho công ty có quy mô nhỏ) được xem là một mô hình mới, hiệu quả. Chủ tịch Công ty do Nhà nước bổ nhiệm để thực hiện chức năng

quản lý công ty, chủ tịch công ty chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu là Nhà nước về sự phát triển của công ty, giúp chủ sở hữu Nhà nước kiểm soát tốt tình hình công ty và giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Sự thay đổi về hình thức pháp lý của doanh nghiệp dẫn đến hệ quả tất yếu trong sự thay đổi về luật điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp. Sau khi chuyển đổi, công ty sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, đây là cơ sở quan trọng để xây dựng một Luật Doanh nghiệp thống nhất vì Luật Doanh nghiệp sẽ được áp dụng theo loại hình đặc trưng doanh nghiệp chứ không theo chủ thể sở hữu doanh nghiệp, xóa bỏ tình trạng phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp thuộc các hình thức sở hữu khác nhau. Sự thay đổi trong luật điều chỉnh doanh nghiệp chính là cơ sở pháp lý cho mọi sự thay đổi trong cơ chế hoạt động của doanh nghiệp sau chuyển đổi.

Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, từ tháng 9 năm 2001 (khi Nghị định 63/CP về chuyển DNNN sang mô hình công ty TNHH một thành viên có hiệu lực) đến tháng 1 năm 2004, cả nước mới có 21 DNNN hoàn thành việc chuyển đổi. Nguyên nhân của tình trạng trên trước hết bắt nguồn từ sự lộn xộn trong nhận thức của các DN và các cơ quan liên quan đến công tác này.

Chuyển DNNN thành công ty TNHH Nhà nước một thành viên là một giải pháp mới, bước đột phá trong quá trình cải cách DNNN ở Việt Nam. Những ưu việt của doanh nghiệp sau chuyển đổi là minh chứng thuyết phục cho tính đúng đắn của giải pháp. Chúng ta hoàn toàn có cơ sở để tin tưởng rằng sự thành công của giải pháp này sẽ góp phần đưa DNNN phát triển xứng tầm với vị trí và vai trò của nó ■